Trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

🙢🙢🕮🕮🙠🙠

XÂY DỰNG PHẦN MỀM WEB

*Tên đề tài:*

**Xây Dựng Website Bán Quần Áo**

TPHCM – THÁNG 3 NĂM 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG PHẦN MỀM WEB**

*Tên đề tài:*

XÂY DỰNG WEBSITE BÁN QUẦN ÁO

**G.V hướng dẫn:** Trần Văn Hùng

**Sinh viên thực hiện:**

1. Nguyễn Chí Nghĩa - DH51700660
2. Nguyễn Kim Sơn - DH51700767
3. Lê Trung Nhân - DH51700752
4. Trương Vũ Vững - DH51700184

TP.HCM – THÁNG 3 NĂM 2021

**Github:** <https://github.com/nghianguyen0106/xaydungphanmemweb?fbclid=IwAR1goa5zGMulIzEEZj3A8NS4lgCqxwqNNDGS-R5vg8CcFJi9uT4RdNFI664>

**Hosting:**

[**http://kimsond17th02doan.000webhostapp.com/**](http://kimsond17th02doan.000webhostapp.com/)

tài khoản: nghia – password: 1

**admin:**

**http://kimsond17th02doan.000webhostapp.com/admin**

tài khoản: admin – password: 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm 6** | | | |
| **Họ Tên** | **Lớp - MSSV** | **Công việc** | **Tiến độ** |
| Nguyễn Kim Sơn | DH51700767  D17-TH02 | Tìm kiếm, quản lý sản phẩm | Hoàn thành |
| Nguyễn Chí Nghĩa | DH51700660  D17-TH02 | Đăng ký, đăng nhập/ đăng xuất, hiên thị sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, quản lý thương hiệu, quản lý nhân viên, quản lý khách hàng | Hoàn thành |
| Lê Trung Nhân | DH51700752  D17-TH02 | Giỏ hàng, đặt hàng, quản lý hóa đơn. | Hoàn thành |
| Trương Vũ Vững | DH51700184  D17-TH02 | Thiết kế database, xóa sản phẩm | Hoàn thành |

Mục Lục

[**Phần I.** **TỔNG QUAN:** 6](#_Toc68766130)

[**1.** **Giới thiệu Laravel Frameword:** 6](#_Toc68766131)

[**2.** **Lý do sử dụng:** 7](#_Toc68766132)

[2.1 Bắt đầu dễ dàng: 7](#_Toc68766133)

[2.2 Có mã nguồn mở: 7](#_Toc68766134)

[2.3 Hỗ trợ cộng đồng: 7](#_Toc68766135)

[2.4 Theo dõi MVC: 8](#_Toc68766136)

[2.5 Được xây dựng trên những Framework hiệu quả nhất: 8](#_Toc68766137)

[2.6 Di chuyển database dễ dàng: 8](#_Toc68766138)

[2.7 Tính năng bảo mật hoàn thiện: 8](#_Toc68766139)

[**Phần II.** **GIỚI THIỆU VÀ MÔ TẢ ĐỀ TÀI:** 8](#_Toc68766140)

[**1.** **Giới thiệu đề tài:** 8](#_Toc68766141)

[**2.** **Mô tả đề tài:** 8](#_Toc68766142)

[**3.** **Chức năng dự tính:** 9](#_Toc68766143)

[**Phần III.** **MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU:** 10](#_Toc68766144)

[**1.** **Sơ đồ lớp/class:** 10](#_Toc68766145)

[**2.** **Mô tả thực thể lớp:** 10](#_Toc68766146)

[**3.** **Mô tả dữ liệu table:** 12](#_Toc68766147)

[**4.** **Kết quả đạt được:** 13](#_Toc68766148)

[**Phần IV.** **PHÂN TÍCH HỆ THỐNG:** 13](#_Toc68766149)

[**1.** **Xác định chức năng:** 13](#_Toc68766150)

[1.1 Xác định tác nhân hệ thống: 13](#_Toc68766151)

[1.2 Chức năng hệ thống: 13](#_Toc68766152)

[**2.** **Phân tích quản lý khách hàng:** 13](#_Toc68766153)

[**3.** **Phân tích quản lý nhân viên:** 14](#_Toc68766154)

[**4.** **Phân tích quản lý giỏ hàng:** 15](#_Toc68766155)

[**5.** **Phân tích thanh toán:** 15](#_Toc68766156)

[**6.** **Phân tích đăng ký tài khoản:** 15](#_Toc68766157)

[**7.** **Phân tích quản lý hóa đơn:** 16](#_Toc68766158)

[**8.** **Phân tích quản lý sản phẩm:** 16](#_Toc68766159)

[**9.** **Phân tích quản lý loại sản phẩm:** 16](#_Toc68766160)

[**10.** **Phân tích quản lý thương hiệu:** 17](#_Toc68766161)

[**Phần V.** **HẠN CHẾ:** 18](#_Toc68766162)

[**Phần VI.** **TÀI LIỆU THAM KHẢO:** 18](#_Toc68766163)

1. **TỔNG QUAN:**
   1. **Giới thiệu Laravel Frameword:**

* Laravel là một PHP framework mã nguồn mở và miễn phí, được phát triển bởi Taylor Otwell và nhắm vào mục tiêu hỗ trợ phát triển các ứng dụng web theo kiếm trúc model-view-controller (MVC). Những tính năng nổi bật của Laravel bao gồm cú pháp dễ hiểu – rõ ràng , một hệ thống đóng gói modular và quản lý gói phụ thuộc, nhiều cách khác nhau để truy cập vào các cơ sở dữ liệu quan hệ, nhiều tiện ích khác nhau hỗ trợ việc triển khai vào bảo trì ứng dụng.
* Laravel đã trở thành project phổ biến nhất và được theo dõi nhiều nhất trên Github. Và Laravel được phát hành theo giấy phép MIT, với source code được lưu trữ tại Github.
  + *Những tính năng tuyệt vời có thể kể đến của Laravel là:*
    - Composer: sử dụng để nâng cấp, cài đặt…
    - Eloquent ORM: thao tác với cú pháp đẹp mắt và đơn giản.
    - Restful API: hỗ trợ biến Laravel thành một web service API.
    - Artisan: cung cấp các lệnh cần thiết để phát triển ứng dụng.
    - View: giúp code sạch sẽ hơn rất nhiều.
    - Migrations: hỗ trợ tạo các trường trong cơ sở dữ liệu, thêm các cột trong bảng, tạo mối quan hệ giữa các bảng, hỗ trợ quản lý cơ sở dữ liệu.
    - Authentication: cung cấp sẵn các tính năng đăng nhập, đăng ký, quên mật khẩu…
    - Unit Testing: hỗ trợ test lỗi để sửa chữa.
* **Ưu điểm của Laravel:**
  + Sử dụng các tính năng mới nhất của PHP
    - Sử dụng Laravel 5 giúp các lập trình viên tiếp cận những tính năng mới nhất mà PHP cung cấp, nhất là đối với Namespaces, Interfaces, Overloading, Anonymous functions và Shorter array syntax.
  + Nguồn tài nguyên vô cùng lớn và sẵn có
    - Nguồn tài nguyên của Laravel rất thân thiện với các lập trình viên với đa dạng tài liệu khác nhau để tham khảo. Các phiên bản được phát hành đều có nguồn tài liệu phù hợp với ứng dụng của mình.
  + Tích hợp với dịch vụ mail
    - Lavarel là framework được trang bị API sạch trên thư viện SwiftMailer, do đó, bạn có thể gửi thư qua các dịch vụ dựa trên nền tảng đám mây hoặc local.
  + Tốc độ xử lý nhanh
    - Laravel hỗ trợ hiệu quả cho việc tạo lập website hay các dự án lớn trong thời gian ngắn. Vì vậy, nó được các công ty công nghệ và lập trình viên sử dụng rộng rãi để phát triển các sản phẩm của họ.
  + Dễ sử dụng
    - Laravel được đón nhận và trở nên sử dụng phổ biến vì nó rất d sử dụng. Thường chỉ mất vài giờ, bạn có thể bắt đầu thực hiện một dự án nhỏ với vốn kiến thức cơ bản nhất về lập trình với PHP.
  + Tính bảo mật cao
    - Laravel cung cấp sẵn cho người dùng các tính năng bảo mật mạnh mẽ để người dùng hoàn toàn tập trung vào việc phát triển sản phẩm của mình:
      * Sử dụng PDO để chống lại tấn công SQL Injection.
      * Sử dụng một field token ẩn để chống lại tấn công kiểu CSRF.
    - Mặc định đều được Laravel escape các biến được đưa ra view mặc định, do đó có thể tránh được tấn công XSS.
* **Nhược điểm Laravel :**
  + So với các PHP framework khác, Laravel bộc lộ khá ít nhược điểm. Vấn đề lớn nhất có thể kể đến của framework này là thiếu sự liên kết giữa các phiên bản, nếu cố cập nhật code, có thể khiến cho ứng dụng bị gián đoạn hoặc phá vỡ.
  + Bên cạnh đó, Lavarel cũng quá nặng cho ứng dụng di động, khiến việc tải trang trở nên chậm chạp.
  1. **Lý do sử dụng:**
     1. Bắt đầu dễ dàng:
* Lý do đầu tiên phải kể đến chính việc Laravel có thể sử dụng cực dễ dàng cho người mới bắt đầu, kể cả khi bạn chỉ biết sơ về PHP, bạn vẫn có khả năng phát triển 1 website với 5 trang trong vòng vài giờ.
  + 1. Có mã nguồn mở:
* Framework Laravel với mã nguồn mở miễn phí, cho phép bạn xây dựng ứng dụng web lớn và phức tạp một cách nhanh chóng, dễ dàng.
* Tất cả điều bạn cần làm ở đây là cài đặt PHP, cộng với một trình soạn thảo văn bản để bắt đầu.
  + 1. Hỗ trợ cộng đồng:
* Trường hợp bạn mắc kẹt với những bug khó nhằn, nhưng có người đã trải qua và hướng dẫn bạn thì không còn gì tuyệt hơn.
* Laravel có một hệ thống thư viện hỗ trợ vô cùng lớn và mạnh hơn hẳn các Framework khác.
* Nếu bạn report lỗi hoặc vi phạm bảo mật trong Framework, phản hồi của cộng đồng sẽ rất nhanh chóng.
  + 1. Theo dõi MVC:
* Cấu trúc MVC và lập trình hướng đối tượng OOP vẫn được giữ lại trong Framework Laravel, giúp cung cấp tài liệu tốt hơn, và tăng hiệu suất hơn.
  + 1. Được xây dựng trên những Framework hiệu quả nhất:
* Vì ra đời muộn nên Laravel được thừa hưởng những ưu điểm và thế mạnh của Framework khác, khi có phần route cực mạnh. Ví dụ điện hình là Laravel sử dụng một số thành phần tốt nhất của Symfony.
  + 1. Di chuyển database dễ dàng:
* Di chuyển Database là một trong những tính năng trọng yếu của Laravel. Nó cho phép bạn duy trì cấu trúc cơ sở dữ liệu ứng dụng mà không nhất thiết phải tạo lại.
* Di chuyển Database còn cho phép bạn viết mã PHP để kiểm soát Database, thay vì sử dụng SQL. Nó còn cho phép bạn khôi phục những thay đổi gần đây nhất trong Database.
  + 1. Tính năng bảo mật hoàn thiện:
* Ứng dụng của bạn sẽ an toàn khi dùng Framework Laravel. Kỹ thuật ORM của Laravel sử dụng PDO, chống chèn SOL.
* Ngoài ra, tính năng bảo vệ crsf của Laravel giúp ngăn chặn giả mạo từ yêu cầu trang chéo. Đó là cú pháp tự động thoát bất kì HTML nào đang được truyền qua các tham số xem, nhằm ngăn chặn kịch bản chéo trên trang web.
* Điều bạn cần thực hiện ở đây là sử dụng các thành phần thích hợp của khuôn khổ.

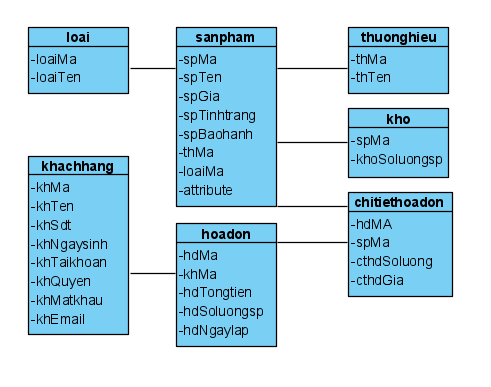
1. **GIỚI THIỆU VÀ MÔ TẢ ĐỀ TÀI:**
   1. **Giới thiệu đề tài:**

* Hệ thống quản lý bán quần áo, xây dựng cần đạt các yêu cầu sau:
  + - Khách hàng
  + Đăng ký tài khoản và đăng nhập
  + Cho phép khách hàng đặt hàng, thanh toán
  + Thêm, sửa, xóa các sản phẩm có trong giỏ hàng (user)
  + Tìm kiếm sản phẩm theo tên- loại- thương hiệu (user)
    - Admin
  + Admin có quyền thêm, xóa, sửa sản phẩm
  + Tìm kiếm sản phẩm theo tên- loại – thương hiệu (admin)
  + Thêm, sửa, xóa sản phẩm (admin)
  + Tìm kiếm loại theo tên loại
  + Thêm, sửa, xóa loại (admin)
  + Tìm kiếm thương hiệu theo tên thương hiệu
  + Thêm, sửa, xóa thương hiệu
  + Xem danh sách hóa đơn
  1. **Mô tả đề tài:**

**-** Cửa hàng bán quần áo, các thông tin về sản phẩm được quản lý bao gồm (mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá sản phẩm, mã thương hiệu, mã loại, bảo hành sản phẩm, hình sản phẩm, tình trạng sản phẩm ). Khi khách hàng mua hàng và thanh toán sẽ có hóa đơn bao gồm (mã hóa đơn, mã khách hàng, tổng tiền hóa đơn, tổng tiền sản phẩm, ngày lập hóa đơn). Thông tin về khách hàng được lưu bao gồm (mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại, ngày sinh, mật khẩu, quyền, email). Thông tin về Loại được quản lý bao gồm (mã loại, tên loại), về Thương Hiệu được quản lý bao gồm (mã thương hiệu, tên thương hiệu). Thông tin của một hóa đơn sẽ có thông tin Chi tiết hóa đơn bao gồm ( mã hàng hóa đơn, mã sản phẩm, giá, số lượng), quản lý kho bao gồm (mã sản phẩm, số lượng).

* 1. **Chức năng dự tính:**
* Người dùng
  + Đăng ký
  + Đăng nhập
  + Tìm kiếm theo tên- loại- thương hiệu
  + Xem chi tiết sản phẩm
  + Mua hàng
  + Thanh toán
* Admin
  + Đăng nhập
  + Quản lý sản phẩm
  + Quản lý loại
  + Quản lý thương hiệu
  + Quản lý hóa đơn
  + Quản lý khách hàng
  + Quản lý nhân viên

1. **MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU:**
   1. **Sơ đồ lớp/class:**

****

* 1. **Mô tả thực thể lớp:**

| **Mô tả:** Loại thực thể sanpham là hiển các thông tin của sản phẩm | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **spMa** | char(50) | x | x | x | Mã sản phẩm |
| **spTen** | varchar(255) |  |  | x | Tên sản phẩm |
| **spGia** | Int(11) |  |  |  | Giá sản phẩm |
| **spTinhtrang** | Int(11) |  |  |  | Tình trạng của sản phẩm |
| **spBaohanh** | Int(11) |  |  |  | Sản phẩm được bảo hành |
| **thMa** | Int(11) |  | x | x | Mã thương hiệu |
| **loaiMa** | Int(11) |  | x | x | Mã loại |
| **spHinh** | text |  |  |  | Tên hình của sản phẩm |

| **Mô tả:** Loại thực thể khachhang lưu trữ thông tin của tài khoản khách hàng, và thông tin cá nhân | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **khMa** | char(50) | x | x | x | Mã khách hàng |
| **khTen** | varchar(255) |  |  |  | Tên khách hàng |
| **khSdt** | Text |  |  |  | Số điện thoại |
| **khNgaysinh** | Date |  |  |  | Ngày sinh |
| **khTaikhoan** | Text |  | x | x | Tài khoản đăng nhập |
| **khQuyen** | Text |  |  | x | Quyền của tài khoản đó |
| **khMatkhau** | Int(11) |  |  | x | Mật khẩu |
| **khEmail** | text |  | x | x | Email |

| **Mô tả:** Loại thực thể chitiethoadon lưu trữ thông tin chi tiết của một hóa đơn | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **hdMa** | char(50) | x | x | x | Mã hóa đơn |
| **spMa** | char(50) | x |  | x | Mã sản phẩm |
| **cthdGia** | Int(11) |  |  |  | Giá |
| **cthdSoluong** | Int(11) |  |  |  | Số lượng |

| **Mô tả:** Loại thực thể loai lưu trữ thông tin của loại | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **loaiMa** | int(11) | x | x | x | Mã loại |
| **loaiTen** | varchar(255) |  | x | x | Tên loại |

| **Mô tả:** Loại thực thể thuonghieu lưu trữ thương hiệu | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **thMa** | char(50) | x | x | x | Mã thương hiệu |
| **thTen** | varchar(255) |  | x | x | Tên thương hiệu |

| **Mô tả:** Loại thực thể hoadon là thông tin hóa đơn sau khi khách hàng thanh toán | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **hdMa** | char(50) | x | x | x | Mã hóa đơn |
| **khMa** | char(50) |  |  | x | Mã khách hàng |
| **hdTongtien** | Int(11) |  |  |  | Tổng tiền của 1 hóa đơn |
| **hdTongsp** | Int(11) |  |  |  | Tổng sản phẩm |
| **hdNgaylap** | Date |  | x | x | Ngày lập |

| **Mô tả:** Loại thực thể kho lưu trữ số lượng sản phẩm | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu** | **K** | **U** | **M** | **Diễn giải** |
| **spMa** | char(50) | x | x | x | Mã sản phẩm |
| **khoSoluong** | int(11) |  |  |  | Số lượng |

* 1. **Mô tả dữ liệu table:**

**Khachhang** (khMa, khTen, khSdt, khNgaysinh, khTaikhoan, khMatkhau, khQuyen, email)

**Hoadon** (hdMa, khMa, hdTongtien, hdTongsp, hdNgaylap)

**Chitiethoadon** (hdMa, spMa, cthdGia, cthdSoluong)

**Sanpham** (spMa, spTen, spGia, thMa, loaiMa, spBaohanh, spHinh, spTinhtrang)

**Loai** (loaiMa, loaiTen)

**Thuonghieu** (thMa, thTen)

**Kho** (spMa, khoSoluong)

* 1. **Kết quả đạt được:**
* Người dùng:
  + Đăng ký
  + Đăng nhập
  + Tìm kiếm
  + Mua hàng
  + Thanh toán (đơn giản)
* Admin:
  + Đăng nhập
  + Quản lý sản phẩm
  + Quản lý loại
  + Quản lý thương hiệu
  + Quản lý hóa đơn
  + Quản lý kho

1. **PHÂN TÍCH HỆ THỐNG:**
   1. **Xác định chức năng:**
      1. Xác định tác nhân hệ thống:

Khách hàng

Nhân viên quản trị

* + 1. Chức năng hệ thống:
       1. Khách hàng:

Miêu tả: là đối tượng sử dụng dịch vụ mua hàng tại cửa hàng

Yêu cầu: không

Quyền hạn: được xem tất cả sản phẩm tại cửa hàng

Chức năng: mua hàng, xem giỏ hàng

* + - 1. Nhân viên:

Miêu tả: là người thực hiện các thao tác trong việc quản lý thông tin khách hàng của cửa hàng. Quản lý các sản phẩm của của hàng

Yêu cầu: Là người có trình độ tin học, là một quản trị viên

Quyền hạn: Được cấp quyền đăng nhập vào hệ thống và thực hiện các quyền hạn liên quan đến thông tin người dùng. Và quyền quản lý sản phẩm

Chức năng: Thêm- xóa- sửa thông tin khách hàng, sản phẩm, loại, thương hiệu,và xem hóa đơn.

* 1. **Phân tích quản lý khách hàng:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả quản lý khách hàng | |
| Tác nhân | Admin |
| Mục đích | Thêm, xóa hoặc sửa thông tin khách hàng |
| Hành vi tác nhân | 1. Thêm thông tin khách hàng:  1.1 Chọn danh mục quản lý khách hàng.  1.2 Ấn nút thêm khách hàng.  1.3 Nhập thông tin khách hàng.  1.4 Ấn nút xác nhận thêm khách hàng.  2. Sửa thông tin khách hàng:  2.1 Chọn danh mục quản lý khách hàng.  2.2 Ấn nút sửa tại khách hàng tương ứng trên danh sách khách hàng.  2.3 Nhập thông tin cần sửa.  2.4 Ấn nút xác nhận sửa.  3. Xóa khách hàng:  3.1 Chọn danh mục quản lý khách hàng.  3.2 Ấn nút xóa tại khách hàng cần xóa. |
| Mô tả khái quát | Admin muốn cập nhật dữ liệu khách hàng. |

* 1. **Phân tích quản lý nhân viên:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả quản lý nhân viên | |
| Tác nhân | Admin |
| Mục đích | Thêm, xóa hoặc sửa thông tin nhân viên |
| Hành vi tác nhân | 1. Thêm thông tin khách hàng:  1.1 Chọn danh mục quản lý nhân viên.  1.2 Ấn nút thêm nhân viên.  1.3 Nhập thông tin nhân viên.  1.4 Ấn nút xác nhận thêm nhân viên.  2. Sửa thông tin nhân viên:  2.1 Chọn danh mục quản lý nhân viên.  2.2 Ấn nút sửa tại nhân viên tương ứng trên danh sách nhân viên.  2.3 Nhập thông tin cần sửa.  2.4 Ấn nút xác nhận sửa.  3. Xóa nhân viên:  3.1 Chọn danh mục quản lý nhân viên.  3.2 Ấn nút xóa tại nhân viên cần xóa. |
| Mô tả khái quát | Admin muốn cập nhật dữ liệu nhân viên. |

* 1. **Phân tích quản lý giỏ hàng:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả thêm sản phẩm vào giỏ hàng | |
| Tác nhân | User |
| Mục đích | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Hành vi tác nhân | 1. Chọn sản phẩm mong muốn 2. Ấn nút thêm vào giỏ hàng. 3. Ấn nút mở giỏ hàng kiểm tra sản phẩm bên trong |
| Mô tả khái quát | User muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng trước khi thanh toán. |

* 1. **Phân tích thanh toán:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả thanh toán | |
| Tác nhân | User |
| Mục đích | Thanh toán giỏ hàng |
| Hành vi tác nhân | 1. Ấn nút thanh toán. |
| Mô tả khái quát | User muốn thanh toán giỏ hàng, tiến hành lập hóa đơn |

* 1. **Phân tích đăng ký tài khoản:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả đăng ký tài khoản | |
| Tác nhân | User |
| Mục đích | Đăng ký tài khoản trên website |
| Hành vi tác nhân | 1. Chọn chức năng đăng ký.  2. Nhập thông tin đăng ký.  3. Nhấn nút xác nhận đăng ký. |
| Mô tả khái quát | User muốn đăng ký tài khoản để tương tác với website |

* 1. **Phân tích quản lý hóa đơn:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả quản lý hóa đơn | |
| Tác nhân | Admin |
| Mục đích | Xem danh sách hóa đơn |
| Hành vi tác nhân | 1. Chọn danh mục quản lý hóa đơn trên thanh menu.  2. Ấn nút xem hóa đơn tương ứng với háo đơn cần xem |
| Mô tả khái quát | Admin muốn xem danh sách hóa đơn từ cơ sở dữ liệu. |

* 1. **Phân tích quản lý sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả quản lý sản phẩm | |
| Tác nhân | Admin |
| Mục đích | Thêm, xóa hoặc sửa thông tin sản phẩm |
| Hành vi tác nhân | 1. Thêm sản phẩm:  1.1 Chọn danh mục quản lý sản phẩm.  1.2 Ấn nút thêm sản phẩm.  1.3 Nhập thông tin sản phẩm.  1.4 Ấn nút xác nhận them sản phẩm.  2. Sửa thông tin sản phẩm:  2.1 Chọn danh mục quản lý sản phẩm.  2.2 Ấn nút sửa tại sản phẩm tương ứng trên danh sách sản phẩm.  2.3 Nhập thông tin cần sửa.  2.4 Ấn nút xác nhận sửa.  3. Xóa sản phẩm:  3.1 Chọn danh mục quản lý sản phẩm.  3.2 Ấn nút xóa tại sản phẩm cần xóa. |
| Mô tả khái quát | Admin muốn cập nhật dữ liệu sản phẩm. |

* 1. **Phân tích quản lý loại sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả quản lý loại sản phẩm | |
| Tác nhân | Admin |
| Mục đích | Thêm, xóa hoặc sửa thông tin loại |
| Hành vi tác nhân | 1. Thêm thông tin khách hàng:  1.1 Chọn danh mục quản lý loại sản phẩm.  1.2 Ấn nút thêm loại sản phẩm.  1.3 Nhập thông tin loại sản phẩm.  1.4 Ấn nút xác nhận thêm loại sản phẩm.  2. Sửa thông tin loại sản phẩm:  2.1 Chọn danh mục quản lý loại sản phẩm.  2.2 Ấn nút sửa tại loại sản phẩm tương ứng trên danh sách loại sản phẩm.  2.3 Nhập thông tin cần sửa.  2.4 Ấn nút xác nhận sửa.  3. Xóa loại sản phẩm:  3.1 Chọn danh mục quản lý loại sản phẩm.  3.2 Ấn nút xóa tại loại sản phẩm cần xóa. |
| Mô tả khái quát | Admin muốn cập nhật dữ liệu loại sản phẩm. |

* 1. **Phân tích quản lý thương hiệu:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc tả quản lý thương hiệu | |
| Tác nhân | Admin |
| Mục đích | Thêm, xóa hoặc sửa thông tin thương hiệu |
| Hành vi tác nhân | 1. Thêm thương hiệu:  1.1 Chọn danh mục quản lý thương hiệu.  1.2 Ấn nút thêm thương hiệu.  1.3 Nhập thông tin thương hiệu.  1.4 Ấn nút xác nhận them thương hiệu.  2. Sửa thông tin thương hiệu:  2.1 Chọn danh mục quản lý thương hiệu.  2.2 Ấn nút sửa tại thương hiệu tương ứng trên danh sách thương hiệu.  2.3 Nhập thông tin cần sửa.  2.4 Ấn nút xác nhận sửa.  3. Xóa thương hiệu:  3.1 Chọn danh mục quản lý thương hiệu.  3.2 Ấn nút xóa tại thương hiệu cần xóa. |
| Mô tả khái quát | Admin muốn cập nhật dữ liệu thương hiệu. |

1. **HẠN CHẾ:**

* Chưa SEO tốt, bảo mật chưa chắc chắn, chưa tích hợp các chức năng thanh toán cao cấp hơn, khách hàng không thê tương tác thông tin với admin( tư vấn trực tuyến… )

1. **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

* Youtube (code online, hieu tutorial) , google
* [**https://toidicode.com/series/hoc-laravel-8**](https://toidicode.com/series/hoc-laravel-8)
* [**https://laravel.com/docs/8.x**](https://laravel.com/docs/8.x)